



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 339 + 340

Ngày 15 tháng 6 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 30-5-2025- Quyết định số 73/2025/QĐ-UBND ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

- 28-4-2025- Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Giáo dục và Đào tạo và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

24

- 28-4-2025- Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình. 28

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 17-4-2025- Quyết định số 1505/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương. 45
- 17-4-2025- Quyết định số 1506/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường. 51
- 17-4-2025- Quyết định số 1507/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chính lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường. 54
- 17-4-2025- Quyết định số 1508/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo. 59
- 23-4-2025- Quyết định số 1575/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý công sản; Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; Đấu thầu lựa chọn nhà thầu; Đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính. 62

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ
cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số 130/BC-SNNMT-CTR ngày 08 tháng 5 năm 2025, Tờ trình số 13786/TTr-STNMT-CTR ngày 20 tháng 12 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 869/BC-STP-VB ngày 16 tháng 02 năm 2024 và Công văn số 8441/STP-VB ngày 12 tháng 12 năm 2024;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ
cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 73/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quy định này không quy định đối với quản lý nước thải trong các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nước thải sinh hoạt* là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người

như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân.

2. *Nước thải khác* là nước đã qua sử dụng mà không phải là nước thải sinh hoạt.

3. *Điểm đầu nối* là điểm xả nước thải vào hệ thống thoát nước của các các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, nước ngoài sinh sống và hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Đơn vị thoát nước* là tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo hợp đồng quản lý vận hành.

5. *Nguồn tiếp nhận nước thải* là hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư; sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; hồ, ao, đầm; vùng nước biển ven bờ có mục đích sử dụng xác định.

6. *Chất thải rắn công nghiệp thông thường* là chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc danh mục chất thải nguy hại và không thuộc danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.

Các giải thích từ ngữ khác về quản lý chất thải theo quy định tại Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Điều 4. Nguyên tắc chung 1. Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân. Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên, thích ứng có hiệu quả đối với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

2. Quản lý nước thải phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Điều 41 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và

Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) và các quy định hiện hành khác có liên quan.

3. Quản lý khí thải phải đáp ứng các yêu cầu quy định khoản 3 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 41 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các quy định hiện hành khác có liên quan.

4. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng các yêu cầu quy định khoản 1 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Mục 2, 3, 4 Chương IV của Thông tư số 02/2022/TTBTNTMT và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 5. Quản lý nước thải

1. Quản lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung được quy định như sau:

a) Nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý qua bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu đô thị, khu dân cư tập trung tại điểm đầu nối;

b) Nước thải khác phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung; nước thải sau khi xử lý sơ bộ phải đáp ứng quy định của khu đô thị, khu dân cư tập trung hoặc quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp chưa có quy định của khu đô thị, khu dân cư tập trung hoặc quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia theo loại hình, tính chất nước thải tương ứng.

2. Quản lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung và tại khu dân cư không tập trung được quy định như sau:

a) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức (không bao gồm cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ), hộ gia đình trong khu đô thị, khu dân cư tập trung chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung phải được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại trước khi đầu nối

vào hệ thống thu gom nước thải của khu đô thị, khu dân cư tập trung; Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý bằng công trình xử lý nước thải tại chỗ đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả nước thải vào nguồn tiếp nhận;

b) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nước thải khác phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia theo loại hình, tính chất nước thải tương ứng trước khi xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.

Điều 6. Quản lý và kiểm soát bụi, khí thải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Bụi có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

2. Phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải, thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Điều 7. Quản lý chất thải rắn

1. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt:

a) Việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao, thu gom, trung chuyển, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và các quy định hiện hành liên quan;

b) Việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công kênh được thực hiện theo Quy định về việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công kênh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và các quy định hiện hành liên quan;

c) Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý (việc phân loại thực hiện theo Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020), phân thành 03 nhóm: (a) chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; (b) chất thải thực phẩm; (c) chất thải rắn sinh hoạt khác;

d) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định hiện hành liên quan;

đ) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu đô thị, khu dân cư:

- Khu đô thị, khu dân cư tập trung phải được bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu đô thị, khu dân cư tập trung;

- Khu dân cư, cụm dân cư phân tán phải có địa điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường trước khi vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định;

- Điểm tập kết chất thải sinh hoạt phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

g) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt nơi công cộng: - Trên các đường phố chính, các khu thương mại, quảng trường, công viên, khu vui chơi giải trí, điểm tập trung dân cư, đầu mối giao thông và các khu vực công cộng khác có bố trí các thùng rác công cộng có phân loại và dán nhãn để người dân nhận biết, phân loại;

- Các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu giữ, khối lượng và tần suất thu gom, đảm bảo môi trường và mỹ quan đô thị;

- Công tác quản lý cung ứng dịch vụ thu gom, vệ sinh thùng rác công cộng được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định hiện hành liên quan;

h) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hộ gia đình, cá nhân:

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thực hiện giảm thiểu, phân loại, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại tại hộ gia đình, cá nhân đến đúng nơi quy định.

2. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Phân loại, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thực hiện phân thành 3 nhóm theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các loại theo danh mục chi tiết bao gồm các chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải công nghiệp thông thường quy định tại Phụ lục III Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT;

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phải được phân loại, tách riêng không để và lẫn vào nhau. Trường hợp không thực hiện việc phân loại được thì phải được quản lý theo quy định quản lý chất thải nguy hại;

- Việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường được chủ nguồn thải thực hiện theo Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

b) Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

- Việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý đảm bảo được thực hiện theo lộ trình, thời gian đến nơi xử lý theo Quy định về yêu cầu kỹ thuật, thời gian và tuyến đường hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành;

c) Quản lý cung ứng dịch vụ vận chuyển, trung chuyển chất thải từ điểm tập kết, trung chuyển đến nơi xử lý, tái chế, tái sử dụng hoặc bãi chôn lấp, nơi xử lý:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được chủ nguồn thải bàn giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển phải có biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Quản lý chất thải nguy hại:

a) Phân loại, lưu giữ:

- Chất thải nguy hại được phân loại, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

- Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát cần phải áp dụng ngưỡng nguy hại của chất thải theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hay chất thải rắn công nghiệp thông

thường để quản lý theo quy định;

b) Thu gom, vận chuyển:

- Việc vận chuyển chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 02/2022/TTBTNMT;

- Việc vận chuyển chất thải nguy hại trên đường giao thông phải đảm bảo thực hiện theo quy định về thời gian và tuyến đường hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành;

c) Quản lý cung ứng dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:

- Việc xử lý chất thải nguy hại phải đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 84, Điều 85 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 72 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và đáp ứng tiêu chí về công nghệ xử lý quy định tại Điều 39 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

- Các đơn vị xử lý chất thải nguy hại phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bao bì, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

d) Giá dịch vụ công tác thu gom tại nguồn, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại:

- Chi phí thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện toàn bộ theo hình thức xã hội hóa. Việc chuyển giao chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân có hoạt động phát sinh cho đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại được thực hiện bằng hình thức xã hội hóa thông qua hợp đồng dịch vụ giữa các bên, đồng thời thực hiện chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 8. Thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải

1. Trong quá trình quản lý, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chỉ đạo các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành quản lý nghiên cứu, tham mưu cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách cần thiết trong quá trình triển khai để hỗ trợ cho hoạt động tái chế, giảm thiểu phát sinh

chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

a) Hỗ trợ việc hướng dẫn cho các hộ gia đình, chủ nguồn thải để nâng cao hiệu quả phân loại chất thải rắn tại nguồn;

b) Hỗ trợ lãi suất vay mua sắm, chuyển đổi phương tiện phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý cơ sở dữ liệu và thực hiện các công tác quản lý chất thải;

d) Hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng cùng tham gia thực hiện tái chế chất thải (hướng dẫn cho các hộ gia đình nội thành và ngoại thành tận dụng chất thải thực phẩm làm compost; khuyến khích các đơn vị tận dụng tái chế chất thải tại chỗ nhưng phải đảm bảo các yêu cầu và quy định trong công tác bảo vệ môi trường; tạo điều kiện hỗ trợ cho các đơn vị có nhu cầu thiết lập các điểm thu gom tại các địa phương và các đơn vị có liên quan trong việc thiết lập các điểm thu gom, trao đổi chất thải tái chế, tái sử dụng);

đ) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh việc thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải tại Thành phố Hồ Chí Minh sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Ưu tiên triển khai các chương trình kêu gọi thu hút các loại hình công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chính sách hỗ trợ xử lý nước thải tại chỗ theo định hướng của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 9. Quản lý nước thải

1. Các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình tại khu vực đã có hệ thống thoát nước của Thành phố có trách nhiệm thực hiện việc đấu nối hệ thống thoát nước thải từ bên trong nhà, công trình vào hệ thống thoát nước thải của Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng dẫn và yêu cầu kỹ thuật của đơn vị thoát nước.

2. Tổ chức, cá nhân và hộ gia đình sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định hiện hành.

Điều 10. Quản lý và kiểm soát bụi, khí thải

Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải có trách nhiệm kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Bụi có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

Điều 11. Quản lý chất thải rắn

1. Trách nhiệm của các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải:

a) Thực hiện các quy định về phân loại, lưu giữ, chuyển giao, thu gom theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định hiện hành liên quan;

b) Thực hiện việc quản lý chất thải rắn công kênh được thực hiện theo quy định chi tiết tại Quy định về việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công kênh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và các quy định hiện hành liên quan;

c) Trả giá dịch vụ, thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và trả giá dịch vụ theo thỏa thuận do phát sinh dịch vụ khác (nếu có);

d) Khuyến khích cá nhân, hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải nguy hại khi có phát sinh trong sinh hoạt hằng ngày, tạm lưu giữ và chuyển giao qua kênh thông tin vận động của chính quyền địa phương, tổ chức, đoàn thể được cơ quan chức năng cho phép;

đ) Chủ nguồn thải là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở phát sinh chất thải chịu trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các hướng dẫn, điều khoản quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Trách nhiệm của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn:

a) Thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh ban hành và các quy định hiện hành liên quan;

b) Thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh theo quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và các quy định hiện hành liên quan;

c) Thực hiện các quy định liên quan quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và các quy định hiện hành liên quan.

3. Trách nhiệm của cơ sở xử lý chất thải rắn:

a) Thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và các quy định hiện hành liên quan;

b) Thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo các quy định hiện hành liên quan;

c) Đơn vị cung ứng dịch vụ xử lý chất thải nguy hại chịu trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các quy định trong giấy phép hoạt động xử lý chất thải do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường do cơ quan chức năng phê duyệt và các quy định pháp luật về môi trường hiện hành;

d) Đơn vị cung ứng dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải có kế hoạch phòng chống, ứng phó, khắc phục sự cố, chuẩn bị sẵn kịch bản các nguyên nhân khách quan và chủ quan của các sự cố, từ đó thiết lập kế hoạch phòng chống, ứng phó và khắc phục cho từng trường hợp, đặc biệt là về sự cố cháy nổ, đổ tràn/rò rỉ chất lỏng nguy hại, sạt lở, lún trượt hầm/bãi lưu chứa chất thải nguy hại. Xây dựng kế hoạch/chương trình đào tạo, huấn luyện ứng cứu sự cố và quy trình ứng cứu khẩn cấp.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, tổ chức quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về mặt quản lý nhà

nước đối với hoạt động liên quan đến lĩnh vực quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tổ chức quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo sự phân công, phân cấp trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành các quy định cụ thể trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

4. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai các quy định trong lĩnh vực quản lý chất thải theo thẩm quyền.

5. Xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của địa phương và nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch Thành phố.

6. Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật.

7. Thực hiện nhiệm vụ phối hợp định kỳ và đột xuất cùng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc thanh tra, kiểm tra đối với các hoạt động vận chuyển và xử lý của các nhà máy xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện vai trò chức năng của cơ quan quản lý môi trường địa phương trong lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thực hiện việc kiểm tra việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công đối với các dự án, công trình xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều).

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan xác định phương án các khu xử lý chất thải rắn tập trung, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện quy hoạch vị trí các điểm tập kết chất thải rắn phát sinh từ hoạt động xây dựng tại địa phương để tích hợp vào quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và cấp Giấy phép xây dựng đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng.

3. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra quản lý xây dựng hạ tầng kỹ thuật thu gom lưu trữ, xử lý chất thải rắn.

4. Xác định lưu vực thu gom theo địa giới hành chính của các nhà máy xử lý nước thải đô thị tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; xác định cụ thể hiện trạng đầu nối, thu gom về hệ thống xử lý nước thải đô thị tập trung của các nguồn phát sinh nước thải trên địa bàn; đồng thời thông tin kết quả nêu trên đến Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện và các đơn vị có liên quan.

5. Hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước thải tại các khu vực hiện nay chưa có hệ thống thu gom, thoát nước thải.

6. Thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về hoạt động đầu tư, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung theo quy định.

7. Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và cấp Giấy phép xây dựng đối với các công trình theo thẩm quyền.

8. Phối hợp kiểm tra việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công đối với các dự án, công trình xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy, các bến thủy.

9. Thực hiện công tác quản lý đối với việc kiểm soát khí thải phương tiện giao thông trên địa bàn Thành phố.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp ngân sách hiện hành; hướng dẫn, phân bổ, kiểm tra việc thực hiện chi ngân sách nhà nước cho hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về khả năng sử dụng nguồn vốn đầu tư công cho các chương trình, dự án liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện các thủ tục có liên quan đến các chương trình, dự án này theo thẩm quyền.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các thủ tục liên quan đến đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

4. Chủ trì tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp và Ban Quản lý Khu công nghệ cao

1. Chủ trì, nghiên cứu, xây dựng và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chỉ đạo, đơn đốc và tổ chức kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trong công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải của các doanh nghiệp, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý nước thải của các khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải của các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.

4. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, phân khu chức năng theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

5. Hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, chủ cơ sở bên trong khu kinh tế, khu công nghiệp thực hiện các trách nhiệm theo quy định.

6. Trong quá trình phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư theo thẩm quyền đối với các dự án mới hoặc dự án đang hoạt động nâng 30 công suất có phát sinh nước thải trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải xem xét sự phù hợp với các yêu cầu về hạ tầng bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

7. Hướng dẫn, giải quyết đề nghị của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng

khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung về việc bố trí vị trí đất của hồ sự cố và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp phải đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý nước thải của các cụm công nghiệp.

2. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phát triển công nghiệp môi trường thuộc phạm vi quản lý của ngành.

3. Trong công tác tham mưu, đề xuất thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp phải lưu ý kiểm tra, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đến các điểm, khu dân cư theo quy định. Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật các dự án liên quan đến nhiệt điện, thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, khai thác mỏ, chế biến khoáng sản và các công trình công nghiệp chuyên ngành.

4. Thực hiện công tác quản lý, sử dụng các bao bì thân thiện môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy tại các siêu thị, trung tâm thương mại, các tiểu thương của chợ dân sinh.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao

1. Chủ trì thực hiện tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, các vật dụng được in ấn thông tin tuyên truyền, biểu trưng nhận diện thông điệp bảo vệ môi trường tại các địa điểm du lịch, các cửa ngõ ra vào Thành phố, trung tâm các quận huyện, phường xã.

2. Chủ trì triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình không sử dụng túi nilon tại các khu du lịch, khu di tích lịch sử, danh thắng. Yêu cầu triển khai thí điểm trong giai đoạn ngắn hạn và triển khai nhân rộng trong các giai đoạn trung hạn các năm tiếp theo.

3. Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện xây dựng hương ước, quy ước ở các địa phương, trong đó có lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi

trường, quản lý và xử lý chất thải y tế ở các bệnh viện, cơ sở y tế và các tổ chức, cá nhân hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, giám sát việc sử dụng các thiết bị bức xạ, các loại thuốc, hóa chất phóng xạ, công tác thu gom vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải phóng xạ dùng trong y tế.

3. Quản lý, bảo vệ môi trường trong lĩnh vực sức khỏe môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và hoạt động mai táng.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Phối hợp tham gia góp ý, thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Phối hợp các cơ quan có liên quan nghiên cứu, hướng dẫn về áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, các giải pháp xử lý môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, xử lý chất thải rắn.

2. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; quản lý và kiểm soát hoạt động bức xạ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tăng cường chỉ đạo các cơ quan truyền thông, thông tấn báo chí trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc thực hiện hiệu quả công tác quản lý, vận hành hệ thống thông tin môi trường cấp tỉnh, bảo đảm tích hợp, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

Điều 21. Trách nhiệm của Công an Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, kịp thời phát hiện các hành vi chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường.

2. Chỉ đạo, tổ chức hoạt động phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm

pháp luật có liên quan đến tội phạm về môi trường; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật; huy động lực lượng tham gia ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của địa phương.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tổ chức quản lý các nguồn thải trên địa bàn theo phân công, phân cấp; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc để xảy ra ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

3. Tổ chức theo dõi, giám sát, cảnh báo, quản lý chất lượng môi trường và quản lý chất thải trên địa bàn theo thẩm quyền; cải tạo, phục hồi môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

4. Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường theo quy hoạch được phê duyệt; quản lý công tác thu gom và xử lý chất thải quy mô cấp huyện; đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn; tổ chức theo dõi, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường; khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường tại các điểm, khu vực ô nhiễm trên địa bàn nông thôn.

5. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường.

6. Truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về quản lý chất thải bảo vệ môi trường; giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức về quản lý chất thải bảo vệ môi trường trong cộng đồng; xây dựng hệ thống trực tuyến tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường trên địa bàn.

7. Thông tin về môi trường, báo cáo môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Huy động và sử dụng nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; trình các cấp có thẩm quyền theo đúng quy định bố trí kinh phí để

thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp ngân sách hiện hành.

9. Đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp trong trường hợp không có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp xử lý thủ tục đầu tư đối với các dự án mới hoặc dự án đang hoạt động nâng công suất có phát sinh nước thải trong cụm công nghiệp phải phù hợp với các yêu cầu về hạ tầng bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

10. Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.

11. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện chuẩn bị cơ sở hạ tầng (phương tiện thu gom, nơi lưu chứa tại các trạm trung chuyển, khu vực công cộng), bố trí các nguồn lực, xây dựng kế hoạch tuyên truyền để đảm bảo sự đồng thuận, chủ động tham gia của người dân, các tổ chức có phát sinh chất thải trong quá trình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn để đảm bảo việc triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thực hiện từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

12. Tổ chức triển khai giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định của Ủy ban nhân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thành lập lực lượng nòng cốt tại địa phương là các cán bộ phường, cán bộ/hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, hội viên Hội Cựu chiến binh, Trưởng khu phố, Trưởng các chi hội đoàn thể khu phố... phụ trách trực tiếp công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng tham gia các chương trình, đề án, phong trào bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn và kết quả triển khai các chương trình, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương. Định kỳ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện, đồng thời nêu những khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai và kiến nghị, đề xuất giải pháp thực hiện.

3. Đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Môi trường những chủ trương, biện pháp cải thiện chất lượng môi trường công tác vệ sinh đường phố và các kênh rạch.

4. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy ước về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; xây dựng và tổ chức thực hiện dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; tiếp nhận đăng ký môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tổ chức quản lý các nguồn thải trên địa bàn theo phân công, phân cấp; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề xảy ra ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

6. Tổ chức theo dõi, giám sát, cảnh báo, quản lý chất lượng môi trường và quản lý chất thải trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp huyện; cải tạo, phục hồi môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

7. Truyền thông nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng; vận động người dân tham gia giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; hướng dẫn cộng đồng dân cư trên địa bàn đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước, xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa.

8. Xây dựng kế hoạch, phương án hoặc nội dung thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn; tổ chức thống kê và quản lý các loại chất thải nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát sinh trên địa bàn; tổ chức hoạt động giữ gìn vệ sinh, cải tạo cảnh quan nông thôn; quy định về hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường trên địa bàn nông thôn.

9. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền hoặc chuyển UBND cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

10. Huy động và sử dụng nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức thu thập thông tin về môi trường, báo cáo môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao. 13. Tổ chức triển khai giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định của Ủy ban nhân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 25. Các cơ quan thông tin đại chúng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức thành viên cần có những việc làm hỗ trợ tích cực nhằm góp phần động viên nhân dân trong việc nâng cao ý thức cộng đồng, giữ gìn vệ sinh môi trường đô thị; xác định việc giữ gìn vệ sinh là một trong những yếu tố để xem xét đánh giá kết quả hoạt động của khu phố và đơn vị theo định kỳ.

Điều 26. Trong quá trình thực hiện, khi có vấn đề phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh, các đơn vị liên quan có ý kiến gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, tổng hợp đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2025/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Giáo dục và Đào tạo và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc Hội khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 501/TTr-PGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Giáo dục và Đào tạo và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Giáo dục và Đào tạo và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình (gọi tắt Ủy ban nhân dân quận), tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp bao gồm: mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 4, khoản 6 Điều 3 như sau:

“1. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận quyết định, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục của Thành phố Hồ Chí Minh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn quận.

2. Trình Ủy ban nhân dân quận quyết định:

a) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân quận:

a) Ban hành văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về giáo dục; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn quận phù hợp với kế hoạch của Thành phố Hồ Chí Minh; các văn bản pháp luật về giáo dục theo thẩm quyền;

b) Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.

6. Thực hiện các nhiệm vụ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục được quy định tại Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khi có điều chỉnh bổ sung.”

Điều 2. Bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Giáo dục và Đào tạo và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình

Bãi bỏ Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Giáo dục và Đào tạo và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2025/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Cán bộ, công chức và viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc
hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc
hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ
quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng
11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí
Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính
phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành
phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc
tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của
Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên và*

Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 07 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giao thông vận tải trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (Mẫu) tổ chức về hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 190/TTr-KTHTĐT ngày 28 tháng 4 năm 2025;

Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2025.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Phòng Tư pháp, Trưởng phòng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình (gọi tắt là Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị).

2. Đối tượng điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với công chức đang công tác tại Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

3. Trụ sở làm việc của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đặt tại Trung tâm Hành chính quận Tân Bình, địa chỉ số 387A đường Trường Chinh, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác ở địa phương về: quy

hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; công tác đánh số và gắn biển số nhà; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại; chăn nuôi và thú y; khuyến nông (thuộc các trạm: chăn nuôi và thú y; khuyến nông); giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, thi hành các quyết định hành chính và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao.

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, QUY CHẾ PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận:

a) Dự thảo quyết định, quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hằng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng, quy hoạch, giao thông vận tải, công thương, chăn nuôi và thú y, khuyến nông trên địa bàn;

b) Dự thảo chương trình, giải pháp huy động, phối hợp liên ngành trong thực hiện công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn;

c) Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

d) Dự thảo quyết định phân loại đường trên địa bàn quận theo quy định của pháp luật;

đ) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận dự thảo các văn bản về lĩnh vực phụ trách thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và theo phân công.

3. Lĩnh vực giao thông vận tải:

a) Tổ chức thực hiện và theo dõi thi hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình và các văn bản khác về giao thông vận tải sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình giao thông đường bộ, đường sắt đô thị, đường thủy nội địa địa phương đang khai thác do quận chịu trách nhiệm quản lý;

c) Quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm công trình giao thông, kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải tỏa lấn chiếm hành lang an toàn giao thông trên địa bàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành, Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận;

đ) Phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không xảy ra trên địa bàn;

e) Phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện vớt rác, lục bình, vật nổi và nạo vét bãi cạn, thanh thải chướng ngại vật, khơi thông dòng chảy trên các tuyến sông, kênh, rạch được giao quản lý;

g) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận;

h) Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, thông tin về giao thông vận tải và các dịch vụ công trong lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định của pháp luật.

4. Lĩnh vực xây dựng:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án và các văn bản khác trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ các lĩnh vực: quy hoạch xây dựng; kiến trúc; công tác đánh số và gắn biển số nhà; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; kết cấu hạ tầng giao thông; nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện lập quy chế quản lý kiến trúc, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị theo phân công, phân cấp và ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép xây dựng công trình đã được cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

đ) Thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (đối với dự án có công trình cấp III, cấp IV sử dụng vốn khác) theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận lập chương trình phát triển đô thị; phối hợp trong quá trình lập, thẩm định chương trình phát triển đô thị; tham gia lập đề án công nhận đô thị loại V trên địa bàn;

g) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt, hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân quận tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về nhà ở và công sở; tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê, đánh giá định

kỳ về nhà ở, công sở trên địa bàn;

i) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng các công trình theo quy chế quản lý kiến trúc, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức công bố, công khai các quy hoạch xây dựng; cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng; quản lý các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng trên địa bàn theo phân cấp;

k) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy định về hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận;

l) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị) do quận chịu trách nhiệm quản lý.

5. Đối với lĩnh vực công thương:

a) Tổ chức, hướng dẫn và thực hiện chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đầu tư phát triển công nghiệp, mở rộng sản xuất - kinh doanh; tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở sản xuất - kinh doanh thuộc lĩnh vực công thương. Thực hiện các chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu trên địa bàn theo phân công của các cấp có thẩm quyền;

b) Tham mưu, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án chương trình, kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn quận;

c) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân quận về xây dựng, trình ban hành kế hoạch khuyến công phù hợp quy định pháp luật và điều kiện của địa phương; tham mưu cấp có thẩm quyền bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức khuyến công trên địa bàn;

d) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công thương; theo

đổi thi hành pháp luật về công thương;

e) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo lập quy hoạch phát triển chợ, quản lý đầu tư xây dựng chợ theo phân cấp về đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về chợ và các quy định theo pháp luật chuyên ngành;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận trong phạm vi trách nhiệm của mình phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và trường học tổ chức phổ biến, giáo dục và hướng dẫn Nhân dân sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về điện lực;

i) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định; kiểm tra điều kiện, cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện của cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định của pháp luật;

k) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý về năng lượng, hóa chất và vật liệu nổ trên địa bàn quận theo phân cấp;

l) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện các quy định của pháp luật về thương mại, bảo vệ người tiêu dùng trên địa bàn quận.

6. Đối với lĩnh vực chăn nuôi và thú y; khuyến nông:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao;

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận;

7. Đối với lĩnh vực trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, thi hành các quyết định

hành chính:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trên các lĩnh vực quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn quận, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt để tổ chức thực hiện;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận kế hoạch tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản yêu cầu tổ chức và cá nhân đình chỉ ngay các hành vi vi phạm trên địa bàn quận ở các lĩnh vực: trật tự lòng lề đường, nơi công cộng và vệ sinh môi trường trên địa bàn quận;

c) Tham mưu, đề xuất về các hình thức xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét quyết định; theo dõi việc thực hiện các quyết định hành chính đã ban hành, đôn đốc thực hiện các quyết định đã có hiệu lực thi hành; đề xuất biện pháp cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đối với tổ chức và cá nhân trên địa bàn quận không tự giác chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

d) Phạm vi thi hành các quyết định hành chính gồm: Quyết định hành chính có nội dung về giải quyết các vấn đề liên quan đến nhà, đất của cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật; Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật của Ủy ban nhân dân quận, Thành phố hoặc Quyết định giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính ở Trung ương có hiệu lực thi hành tại địa bàn quận; các Quyết định khác theo quy định của pháp luật;

đ) Tham mưu, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao;

e) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và pháp luật về quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn quận;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quy định cụ thể bằng văn bản.

8. Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các

lĩnh vực quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật.

9. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân phường.

10. Kiểm tra việc chấp hành chính sách, thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách đối với các tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn quản lý; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

11. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và các cơ quan nhà nước khác khi có yêu cầu.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định, theo phân công của Ủy ban nhân dân quận.

13. Quản lý, tổ chức sử dụng có hiệu quả và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản, các phương tiện làm việc và ngân sách được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân quận.

14. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về chuyên môn nghiệp vụ của Phòng.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị hoạt động theo chế độ Thủ trưởng. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ vào tình hình thực tế số lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân quận quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cho phù hợp và đúng quy định pháp luật.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm tình hình của đơn vị, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể gồm 08 Tổ chuyên môn như sau:

- a) Tổ Hành chính (viết tắt HC);
- b) Tổ Quy hoạch - Kiến trúc (viết tắt QHKT);
- c) Tổ Cấp giấy phép xây dựng (viết tắt Tổ CPXD);
- d) Tổ Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị (viết tắt QLHTKTĐT);
- đ) Tổ Quản lý phát triển đô thị và nhà ở (viết tắt PTĐT&NO);
- e) Tổ Kinh tế (viết tắt KT);
- g) Tổ Tuần tra, tuyên truyền, xử lý vi phạm hành chính (viết tắt TTTT);
- h) Tổ Văn phòng (viết tắt VP).

3. Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị:

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và các công việc được Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình;

b) Báo cáo Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về cơ cấu tổ chức, hoạt động của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị; báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân quận khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội quận giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

4. Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

5. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Biên chế công chức

1. Biên chế công chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị do Chủ tịch Ủy ban

nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức; gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Hằng tuần hoặc theo lịch công tác tuần của đơn vị, lãnh đạo Phòng giao ban hoặc hội ý đánh giá thực hiện nhiệm vụ và phổ biến công tác cho tuần tiếp theo.

2. Sau khi giao ban hoặc trao đổi, thảo luận lãnh đạo phòng, nếu cần thiết để triển khai các nội dung làm việc trong tuần thì các Phó Trưởng phòng trực tiếp tổ chức các cuộc họp với bộ phận chuyên môn do mình phụ trách để đánh giá tình hình công việc, triển khai phương hướng và thống nhất phân công thực hiện nhiệm vụ theo lịch công tác.

3. Căn cứ vào chương trình công tác năm, hằng quý, hằng tháng của Ủy ban nhân dân quận và yêu cầu giải quyết công việc định kỳ, thường xuyên; Trưởng phòng tổ chức họp toàn thể công chức của Phòng tối thiểu một lần trong tháng. Ngoài ra, để đảm bảo tính thống nhất trong phân công nhiệm vụ, lãnh đạo phòng có thể tổ chức các cuộc họp đột xuất, bất thường để thống nhất, trực tiếp chỉ đạo các nhiệm vụ hoặc phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh, đột xuất, khẩn cấp.

4. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan được thể hiện trong lịch công tác tuần của Phòng; nội dung làm việc cụ thể do từng Tổ chuyên môn chuẩn bị, đề xuất chuyển đến bộ phận Văn thư của Phòng tổng hợp, tham mưu, trình Trưởng phòng phê duyệt để giải quyết có hiệu quả các công việc, yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của đơn vị.

5. Toàn thể công chức cơ quan khi được phân công tham dự hội họp phải đúng giờ, đúng phân công theo giấy mời họp, đặc biệt là đối với các cuộc họp, hội nghị do Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận chủ trì. Trường hợp khi được cử dự thay, công chức phải báo cáo, xin ý kiến người chủ trì cuộc họp trước khi cuộc họp diễn ra và phải được người chủ trì đồng ý.

6. Khi tham dự hoặc được cử dự thay, công chức phải tìm hiểu, nắm rõ vụ việc và chịu trách nhiệm về ý kiến phát biểu. Sau cuộc họp có trách nhiệm báo cáo kết

quả, nội dung cuộc họp cho Trưởng phòng biết và thực hiện theo nội dung kết luận của người chủ trì cuộc họp.

Điều 7. Quy chế phối hợp trong công tác

1. Đối với Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường:

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

a) Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng; Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

b) Định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

a) Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận;

b) Trong trường hợp Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa thống nhất với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức khác của quận:

a) Thực hiện mối quan hệ hợp tác, phối hợp trên cơ sở bình đẳng và thỏa thuận của các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định của pháp luật;

b) Khi các đơn vị, tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng

của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng có trách nhiệm giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn công chức lãnh đạo quản lý (Chủ tịch, các Phó Chủ tịch), công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường; các tổ chức, cá nhân khác về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương III

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM, CHỨC DANH, TIÊU CHUẨN CÔNG CHỨC CỦA PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm của công chức

1. Được chủ động về phương pháp thực hiện công việc được giao.
2. Tham gia ý kiến về các công việc chuyên môn của đơn vị.
3. Được cung cấp các thông tin về công tác chỉ đạo điều hành của đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ được giao.
4. Được yêu cầu cung cấp thông tin, đánh giá mức độ xác thực của thông tin phục vụ cho nhiệm vụ được giao.
5. Được tham gia các cuộc họp trong và ngoài cơ quan theo sự phân công của Thủ trưởng đơn vị.

Điều 9. Chức trách, nhiệm vụ

1. Xây dựng văn bản: chủ trì hoặc tham gia soạn thảo dự thảo văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc lĩnh vực phụ trách.
2. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện pháp luật; đề xuất các biện pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đối với lĩnh vực phụ trách.
3. Kiểm tra, đôn đốc, tham gia tổ chức sơ kết, tổng kết, theo dõi, phân tích, đánh giá và báo cáo việc thực hiện đối với lĩnh vực phụ trách.
4. Tham gia thẩm định, góp ý văn bản có nội dung liên quan đến lĩnh vực phân

công phụ trách.

5. Thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ theo bản mô tả vị trí việc làm và quy chế phân công nhiệm vụ của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

6. Phối hợp với các cá nhân, đơn vị liên quan tham mưu hoạch định và thực thi chính sách liên quan đến lĩnh vực nhiệm vụ được phân công.

7. Tham dự các cuộc họp cơ quan theo quy định hoặc cuộc họp liên quan đến lĩnh vực chuyên môn ở trong và ngoài cơ quan theo phân công.

8. Xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác năm, quý, tháng, tuần của mỗi cá nhân.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên giao.

Điều 10. Yêu cầu về trình độ

1. Trình độ đào tạo:

Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng, quy hoạch, kiến trúc, giao thông, luật, hành chính hoặc các chuyên ngành phù hợp yêu cầu vị trí công tác.

2. Bồi dưỡng, chứng chỉ:

a) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư - lưu trữ đối với vị trí việc làm chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ.

Điều 11. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực cá nhân

1. Về phẩm chất:

a) Tuyệt đối trung thành, tin tưởng, nghiêm túc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, quy định của cơ quan;

b) Tinh thần trách nhiệm với công việc, với tập thể, phối hợp công tác tốt;

c) Trung thực, thẳng thắn, kiên định nhưng biết lắng nghe;

d) Điềm tĩnh, nguyên tắc, cẩn thận, bảo mật thông tin;

đ) Khả năng đoàn kết nội bộ;

e) Chịu được áp lực trong công việc;

g) Tập trung, sáng tạo, tư duy độc lập.

2. Về năng lực:

a) Có khả năng tham mưu, xây dựng, thực hiện, kiểm tra và thẩm định các kế hoạch, giải pháp đối với các vấn đề thực tiễn liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Có khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công;

c) Có khả năng đề xuất những chủ trương, xây dựng quy trình nội bộ và giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

d) Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu, nâng cao về lĩnh vực hoạt động và thực thi, kỹ năng xử lý các tình huống trong quá trình hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tham mưu, đề xuất và thực hiện công việc theo vị trí việc làm;

đ) Hiểu và vận dụng được các kiến thức về phương pháp nghiên cứu, tổ chức, triển khai nghiên cứu, xây dựng các tài liệu, đề tài, đề án thuộc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm;

e) Biết vận dụng các kiến thức cơ bản và nâng cao về ngành, lĩnh vực; có kỹ năng thuyết trình, giảng dạy, hướng dẫn nghiệp vụ về ngành, lĩnh vực;

g) Áp dụng thành thạo các kiến thức, kỹ thuật xây dựng, ban hành văn bản vào công việc theo yêu cầu của vị trí việc làm;

h) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và sử dụng công nghệ thông tin vào công việc theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức và chế độ làm việc, mối quan hệ công tác trong công tác của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi cho phù hợp./.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1505/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lưu thông hàng hóa
trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2468/TTr-SCT ngày 15 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 08 thủ tục hành chính lĩnh

vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương, gồm: 02 thủ tục mới ban hành và 06 thủ tục được sửa đổi, bổ sung.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Công Thương rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2025.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có thứ tự II.1, II.2, II.3, II.4, II.5 và II.6 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực kinh doanh khí, lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương (163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
2	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương (163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của

					<p>Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;- Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu;- Quyết định số 985/QĐ-BCT ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
--	--	--	--	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương (163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương (163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
3	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương (163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh

4	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương (163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Theo quy định của Bộ Tài chính	doanh xăng dầu; - Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương (163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu;
6	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương (163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Quyết định số 985/QĐ-BCT ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1506/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính về khai thác
và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2348/TTr-STNMT-VP ngày 11 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đánh giá tiêu chí đề cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục tại Phụ lục XXIII Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tổng hợp ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận kiểm tra văn bản, phiếu yêu cầu, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân. Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân.	Sở Tài nguyên và Môi trường (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí	<div>- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.</div> <div>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</div> <div>- Quyết định số 704/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</div>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1507/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, 17 hóng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chính lĩnh vực Bảo tồn
thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2349/TTr-STNMT-VP ngày 11 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đánh giá tiêu chí đề cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục có thứ tự A2, A3 và D2 Phụ lục XIX Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Không quá ba mươi lăm (35) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học 2008. - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ - Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé,	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học 2008. - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Quận 1)		<p>của Luật Đa dạng sinh học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Không quá ba (03 ngày) làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học năm 2008. - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1508/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, 17 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1874/TTr-SGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch

vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG
GIÁO DỤC QUỐC DÂN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc nhận đơn đăng ký, cơ sở đào tạo giáo viên thống nhất với cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng để xác nhận và thông báo cho sinh viên sư phạm được hưởng chính sách hỗ trợ thuộc đối tượng giao nhiệm vụ, đặt hàng và xét duyệt các đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đối với sinh viên sư phạm trong phạm vi chỉ tiêu Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo và không thuộc chỉ tiêu đặt hàng	Cơ sở đào tạo giáo viên (Đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm; - Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. - Quyết định số 851/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1575/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý công sản;
Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; Đấu thầu lựa chọn nhà thầu;
Đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2790/TTr-STC-VP ngày 18 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Quản lý công sản và 11 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; Đấu thầu lựa chọn nhà thầu; Đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở chính rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN; ĐẦU TƯ;
ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ THẦU; ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ THẦU; ĐẦU TƯ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	<ul style="list-style-type: none">- Đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện: 29 ngày.- Đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 36 ngày.	<ul style="list-style-type: none">- Sở Tài chính (32, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1);- UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Không có	<ul style="list-style-type: none">- Điều 28 Nghị định số 28, Nghị định số 77/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.- Quyết định số 1327/QĐ-BTC ngày 11/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

B. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố	Văn bản pháp luật quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư			
1	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.	Quyết định số 6390/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; - Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.
2	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư.		
Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà thầu			
3	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố	Quyết định số 6390/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ. - Quyết định số 321/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu
4	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố		
5	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của sở - ngành		

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố	Văn bản pháp luật quy định việc bãi bỏ
6	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của sở - ngành		tư; - Quyết định số 1351/QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực đấu thầu phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
Lĩnh vực Đầu tư			
7	Thủ tục đăng ký tham gia chương trình kích cầu đầu tư thuộc công nghệ cao; thương mại; y tế, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa và thể thao; hạ tầng, môi trường và các dự án khác	Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

C. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố	Văn bản pháp luật quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư			
1	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.	Quyết định số 6390/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; - Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa
2	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả		

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố	Văn bản pháp luật quy định việc bãi bỏ
	lựa chọn nhà đầu tư.		chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.
Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà thầu			
3	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận – huyện.	Quyết định số 6390/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.	<ul style="list-style-type: none">- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ.- Quyết định số 321/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Quyết định số 1351/QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực đấu thầu phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
4	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận – huyện.		

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng